

HƯƠNG ƯỚC HÁN NÔM

VỚI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI DÂN

(Qua một số bản hương ước ở Hà Nội)

NGUYỄN THỊ HOÀNG YÊN^(*)

Trong xã hội Việt Nam thời xưa, các tổ chức hương thôn như phe giáp, xóm ngõ, làng xã thường đặt ra những điều ước để ràng buộc, chế ngự, điều hòa và giải quyết các tranh chấp và chạm với nhau.

Hơn nữa, hương ước cổ truyền của người Việt với tư cách là luật làng, tồn tại song song với luật pháp của nhà nước, điều chỉnh các mối quan hệ giữa những người dân trong phạm vi làng xã, nên nó trở thành một phương tiện có khả năng ghi nhận và phản ánh quyền lợi người dân. Bài viết này bước đầu điếm ra một số điều lệ liên quan đến bảo vệ quyền lợi con người nơi làng xã xưa.

1. Quyền lợi chính trị, dân sự

Để quản lý người dân ở cấp làng xã, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với nhà nước nên ở làng xã có bộ máy chính quyền thực thi các nhiệm vụ. Dưới thời Lê người đứng đầu một xã là Xã trưởng⁽¹⁾, để giúp việc cho Xã trưởng là Xã sử⁽²⁾ và Xã tư⁽³⁾. Thời Nguyễn là Lý trưởng⁽⁴⁾ và có thêm các chức khác như Phó lý⁽⁵⁾, Hương trưởng, Thôn trưởng, Thư ký. Thủ quỹ... mỗi

người có nhiệm vụ riêng nhằm quản lý công việc chung của dân làng và thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm đối với nhà nước.

Vì vậy, hương ước quy định các quyền dân sự và chính trị, như quyền được tham gia vào đời sống chính trị của làng xã. Đây là điều dễ nhận thấy trong các hương ước cải lương. Người dân có quyền bầu cử, ứng cử vào cơ quan quản lý làng xã, để quản trị và quyết định những vấn đề quan trọng liên quan đến vận mệnh của cộng đồng. Ở đây tính dân chủ làng xã được thể hiện khá rõ. Bộ máy quản trị ấy do chính dân làng ứng cử và bầu cử, đó là Hội đồng kỳ mục và Hội đồng tộc biểu.

Hội đồng tộc biểu là những người do các họ trong làng bầu ra để quản lý việc trong làng. Hương ước viết bằng chữ Nôm của xã Đại Từ, tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội) ghi niên đại sao chép vào ngày 28 tháng 6 năm Bảo Đại thứ 17 (1942) gồm 16 điều khoản quy định về số lượng

^(*) ThS. Viện Nghiên cứu Hán Nôm

bầu tộc biểu. Trong đó quy định tư cách người được bầu làm tộc biểu như: tuổi từ 25 trở lên, thông thái, có gia sản, không vi phạm pháp luật và kỳ hạn làm việc là 3 năm. Nhiệm vụ của người tộc biểu là quyết định việc làng, lập sổ chi thu và kiểm tra sổ ấy. Hội đồng tộc biểu đứng đầu là Hội trưởng, Phó hội, Thư ký, Thủ quỹ và các tộc biểu.

条次六各族来自保艾般歌新般
 不會長吧艾歌不付會欺固會同由
 族表報告可正會長堪阻役夷由付
 會長報告

条次七會同吏保仁得新般艾
 歌通曉書算不書記底編數册吧艾
 歌轟固不守櫃底掙錢公

Điều thứ 6: Các tộc biểu tự bầu một ban, người trong ban làm Hội trưởng và một người làm Phó hội, khi có hội đồng do tộc biểu báo cáo, nếu Chánh hội trưởng ngăn trở việc gì, do Phó hội trưởng báo cáo.

Điều thứ 7: Hội đồng lại bầu hai người trong ban, một người thông hiểu thư toán làm Thư ký để biên sổ sách và một người giàu có làm Thủ quỹ để giữ tiền công⁽⁶⁾

Vấn ở tài liệu này, tại điều thứ 13 còn quy định như sau: “當畝會同可新麻埃固跪礼法麻悔條夷辰會同沛跪礼法麻答吏艾格明白 / *Đương lúc hội đồng nếu trong làng ai có theo lễ phép mà hỏi điều gì thì hội đồng phải theo lễ phép mà đáp lại một cách minh bạch*”⁽⁷⁾. Đây là quy định khá tiến bộ. Bất kỳ người dân nào trong làng cũng có quyền, có cơ hội tham gia bàn bạc việc làng, được phép nêu câu hỏi và người tộc biểu phải trả lời một cách công khai, minh bạch. Việc đó biểu hiện quyền tự do có ý kiến và biểu đạt ý kiến của người dân.

Bên cạnh đó là quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được các hương ước tôn trọng, dù quy định một cách gián tiếp. Hầu hết các làng xã cổ truyền đều có các nơi thờ cúng theo tôn giáo, tín ngưỡng như đình, chùa, miếu, đền, quán, văn chỉ... những nơi thờ tự này hầu hết đều được làng dành ruộng công hay ruộng công đức để làm kinh phí hoạt động, trả lương cho người trụ trì, trông coi. Không có bất kỳ hương ước, tục lệ nào quy định ngăn cấm người dân trong làng theo hoặc không theo một tôn giáo, tín ngưỡng nào.

Sách *Hà Đông tỉnh Thanh Trì huyện Thanh Liệt tổng các xã tục lệ đệ tứ sách* 河東省青池縣青烈總各社俗例第四册 của xã Thanh Liệt, tổng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội) lập năm Tự Đức Quý Mùi (1883) gồm 46 điều, trong đó có 1 điều lệ quy định như sau: “一置公田一畝四高又公陂五高交守祠認耕以爲全年各節禮並香燈奉事文祠 / *Dành ra 1 mẫu 4 sào ruộng công và 5 sào ao giao cho thu từ nhận canh tác để làm lễ các tiết hàng năm và hương đèn phụng thờ văn từ*”⁽⁸⁾.

Quyền kết hôn, lập gia đình và bình đẳng trong hôn nhân, trong các bản hương ước, tục lệ cũng không có quy định ngăn cấm, phân biệt đối xử do thành phần xuất thân, tôn giáo hay quan hệ xã hội. Thời xưa trong lễ cưới người Việt chưa có giấy đăng ký kết hôn như ngày nay, tức được pháp luật công nhận, song lệ nộp cheo, lệ nộp lan giai (hay lan nhai) chính là một bằng chứng để chính quyền địa phương công nhận giá trị hôn nhân. Nếu người nào tổ chức lễ cưới mà chưa nộp cheo, hay nộp lan giai thì cũng coi như chưa có

vợ hoặc có chồng. Hầu hết, hương ước tục lệ của các làng đều quy định lệ nộp cheo hay lệ lan giai, thông thường kết hôn giữa những người trong làng với nhau thì tiền nộp lệ ít hơn, nếu kết hôn khác làng, khác xã thì tiền nộp lệ nhiều gấp đôi. Sách *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Tri tổng các xã phong tục* 河東省懷德府慈廉縣下池總各社風俗 của thôn Đông Ba, xã Thượng Cát, tổng Hạ Tri, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) lập lần đầu vào năm Tự Đức thứ 32 (1879) có 44 điều lệ, sau đó đến năm Thành Thái thứ 8 (1896) bổ sung thêm 2 điều lệ, thành 46 điều trong đó có 1 điều lệ quy định về lệ lan giai như sau: "凡鄉中何係納欄街者土碑壹百片銀壹元參毛內先次紙里役村長均分依數仍先辦美留壹百口酒壹壺謁神及美留先呈先次紙里役看守依例其如欄街外例視此增倍二茲約詞/ *Phàm trong làng có người nào nộp lệ lan giai 100 viên gạch, 1 đồng 3 hào bạc trong đó Tiên thứ chi, Lý dịch, Thôn trưởng chia đều y số, nhưng trước biện 100 miếng trầu, 1 bình rượu đến lễ thần và trầu cau đến trình trước với Tiên thứ chi, Lý dịch, Khán thi. Y lệ. Nếu lệ lan giai ngoài thì tăng gấp đôi. Nay lập tờ ước*"⁽⁹⁾.

Đối với phong tục của xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì quy định việc hôn sự theo hướng giản lược hơn: "一款舊俗何人有男子娶妻其女家邀索聘禮銀錢甚重又請全民宴飲每人或費至二三百元甚煩今請改其女家邀索取男家富者自聘禮銀錢及各項惟稱銀錢一百貫以下次者惟稱錢八十貫以下貧者稱五十貫以下

不得剩過此數仍男家整辦鉛錢二十貫美留一百口納在本社以替飲食並欄街例充公倘兩家均係豪富每得辦一禮謁告家先而已無得仍舊請民飲食若何人不遵固情邀索或強請飲食請罰每家銀二元充公/ *Một khoản tục cũ ai có con trai lấy vợ thì nhà gái yêu cầu tiền sinh lễ rất lớn, lại mời mọi người ăn cỗ. Mỗi người tốn đến hai, ba trăm đồng rất phiền hà. Nay xin thay đổi, nhà gái yêu cầu lấy của nhà trai, nhà giàu từ tiền sinh lễ đến các thứ chỉ khoảng 100 đồng trở xuống, thứ đến chỉ khoảng 80 đồng trở xuống, nhà nghèo khoảng 50 đồng trở xuống, không được lấy quá số này nhưng nhà trai sắm 20 quan tiền kẽm, 100 miếng trầu nộp cho bàn xã để thay việc ăn uống và lệ lan nhai sung công. Nếu hai nhà đều là hào phú thì mỗi nhà được chuẩn bị một lễ yết cáo gia tiên mà thôi, không được theo lệ cũ mời dân ăn uống. Nếu người nào không theo, cố tình yêu sách hoặc cứ mời ăn uống thì phạt mỗi nhà 2 đồng bạc sung công*"⁽¹⁰⁾.

Như vậy có thể nói, quy định về hôn nhân trong hương ước, tục lệ cũng có thay đổi theo thời gian và theo chiều hướng tích cực hơn. Các điều lệ quy định giản tiện hơn, tránh phiền hà, bày ăn uống linh đình gây tốn kém cho gia đình hôn sự. Đây cũng là điểm tích cực của hương ước, tục lệ xưa.

Bên cạnh đó, các làng có nhiều Phường, Hội để người dân dễ dàng và tự do tham gia, sinh hoạt trong các Phường, Hội đó như Phường lão hoặc Phường của các làng nghề hoặc Hội như Hội Tư văn... Tuy nhiên, những Phường, Hội này chỉ là những hội dân sự, mang tính

sinh hoạt tinh thần cho người dân, hoạt động trong phạm vi làng xã và không chịu chi phối của làng xã. Tiêu biểu cho các tổ chức Phường, Hội, đó là Hội Tư văn. Hội Tư văn là một tổ chức xã hội có uy tín ở làng xã Việt Nam thời xưa. Thành phần tham gia Hội Tư văn khá phong phú và đa dạng, trong đó có các quan viên chức sắc trong xã, những người học hành đỗ đạt và cả người chưa đỗ đạt. Dưới đây là điều lệ của xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm (nay là phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) lập năm Tự Đức thứ 7 (1854), gồm 22 điều trong đó có 1 điều lệ quy định việc trọng trọng vào Hội Tư văn nói lên điều đó: "望斯文緒壹頭價錢參貫教拾斗酒壹釜笑留壹百口遞就祠址禮敬先賢事清將就禮甲當該通報禮甲會飲 / Người nào muốn được vọng trọng dự Hội Tư văn⁽¹¹⁾ thì nộp 1 con lợn giá 3 quan tiền, 10 đấu xôi, 1 vò rượu, 100 miếng trâu cau mang đến văn chỉ kính lễ Tiên hiền⁽¹²⁾. Lễ xong, giáp đương cai⁽¹³⁾ thông báo mời toàn giáp lễ đến ăn uống"⁽¹⁴⁾.

2. Quyền được bảo vệ an ninh

Một trong các quyền được hương ước chú trọng ghi nhận đó là quyền đảm bảo về an ninh, trật tự, đảm bảo cuộc sống bình yên của người dân. Các hương ước đều có quy định về việc tuần phòng, đối tượng phải tham gia đi tuần, trách nhiệm của tuần phiên trong việc ngăn chặn trộm cướp, bảo vệ an ninh xóm làng. Khi có trộm cướp, hỏa hoạn thì trưng tuần, thủ phiên dẫn tuần tráng ra ứng cứu và đi tuần ngoài đồng không để cho trâu bò, lợn gà phá hoại lúa má, hoa

màu, giữ nước hay tháo nước bảo vệ mùa màng. Những người đi tuần được phép thu thóc sương, hưởng một phần hoa màu sau thu hoạch. Trong trường hợp dễ mất mát tài sản hay dễ trâu bò, lợn gà phá hoại mùa màng, nước không đảm bảo cho cây cối thì những người tuần sương phải có trách nhiệm bồi thường. Hương ước của xã Văn Điển, huyện Thanh Trì, tổng Cổ Điền, tỉnh Hà Đông (nay là thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội) lập vào năm Mậu Thân (?) gồm 28 điều, trong đó có 1 điều quy định về việc tuần phòng như sau: "一款社內巡防三甲選擇十二人張巡二人守番二人隨與里役更防內邑外田不辰竊發係聲動號依張番率巡等應救保人欠者罰錢二貫充公係人與奸徒抗拒不幸被傷重者給錢十五貫輕者十貫不幸死者五十貫伊子得除終身雜役若當傷生獲奸徒每人賞錢二十貫刺奸徒賞錢十貫仍量許行巡人等收取霜粟內耕每高一畝由六把外耕每高倍二二畝十二把若不謹失脫依巡等培償至如社內些內偷取捉獲不在此例 / Một khoản việc tuần phòng trong xã 3 giáp lựa chọn 12 người trưng tuần, 2 người thủ phiên, 2 người theo cùng lý dịch canh phòng trong ấp ngoài ruộng, bất cứ lúc nào phát hiện có trộm phải báo động, hô hào trưng tuần, thủ phiên dẫn tuần tráng ra ứng cứu. Người nào thiếu, phạt 2 quan tiền sung công. Người nào chống cự với kẻ gian không may bị thương, thương nặng cấp cho 15 quan tiền, nhẹ 10 quan, không may chết cấp cho 50 quan, con trai của người ấy được trừ tạp dịch suốt đời. Nếu bị thương

mà bắt sống được kẻ gian, mỗi người thưởng 20 quan, đâm bị thương kẻ gian thưởng 10 quan tiền. Nhưng cho phép những người đi tuần thu thóc sương, nội canh mỗi sào thu 1 liêm (bằng 6 nắm lúa), ngoại canh mỗi sào thu gấp đôi 2 liêm (bằng 12 nắm lúa). Nếu không cẩn thận để thất thoát thì những tuần sương phải bồi thường. Nếu trong xã bị trộm lầy, bắt được thì không ở lệ này⁽¹⁵⁾.

Liên quan đến tranh chấp, kiện tụng, các hương ước đều quy định, mọi tranh chấp, kiện tụng trước hết phải trình Lý trưởng, Xã trưởng, Thôn trưởng xem xét, phân xử. Trong trường hợp Lý trưởng, Thôn trưởng xét xử mà đương sự thấy không công bằng rồi lại trình lên quan trên, hoặc những vấn đề vượt quá khả năng, thẩm quyền của Lý trưởng, thôn trưởng cũng được trình lên quan trên. Lấy trường hợp phong tục của xã Yên Nội, tổng Hạ Tri, huyện Từ Liêm (nay là phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) làm ví dụ. Bản phong tục này có 29 điều lệ, lập vào năm Thành Thái thứ 5 (1893), trong đó có 1 điều lệ ghi như sau: "一條社內某有鬱抑何事許將笑留壺封錢參陌拾捌文呈在里長社村或張巡催來兩件查問以分曲直若處斷不公致再呈在官員始明是否應捉前論者古錢陸陌即收飲酒以做迴護或彼再未服情致鳴在某官論依如本社所處其損錢招收曲伴再融鄉次以止訟端 / Trong xã ai có uất ức về việc gì, cho phép mang 1 hộp trâu cau, 3 mạch 18 văn tiền trình với Lý trưởng xã thôn hoặc trương tuần phát giác ra hai bên tra hỏi để phân xử đúng sai. Nếu phán xét

không công bằng, lại trình với quan viên mình xét rõ ràng đúng sai, bắt phạt kẻ bần luận trước 6 mạch tiền cổ, thu tiền ăn uống để khuyên răn, che chở. Nếu người kia chưa phục tình đến nỗi kêu kiện cửa quan, quan lại luận tội y như xã đã phân xử thì phí tổn tiền bạc ấy cứ thu của bên bị phán sai phải chịu, lại trừất bỏ vị thứ hương ẩm để ngăn chặn kiện tụng⁽¹⁶⁾.

3. Quyền bảo đảm lợi ích kinh tế, xã hội

Ngoài các vấn đề nêu trên, hương ước còn quy định các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa cho người dân, như quyền được chia ruộng đất canh tác và bảo đảm các điều kiện để sản xuất.

Về ruộng đất, bên cạnh quyền sở hữu tư nhân, mỗi làng xã đều có ruộng công với diện tích nhiều, ít khác nhau. Số ruộng công này được chia cho các thành viên của làng cây cấy, canh tác và có trách nhiệm phải nộp sưu thuế cho nhà nước. Phong tục xã Đại Ninh, tổng Nam Phù Liệt, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội) lập vào năm Duy Tân thứ 4 (1910) gồm 26 điều, trong đó có 1 điều lệ quy định về việc phân chia ruộng đất như sau: "一均分公田土內除神祠佛寺土阜道路存均給民丁上下耕作以充搜稅 / Việc phân chia ruộng đất công trừ đất của đền thờ thần, chùa thờ Phật, đường xá còn lại chia đều, cấp cho dân đình già trẻ, lớn bé canh tác nộp sưu thuế⁽¹⁷⁾.

Và hầu hết các hương ước đều có các điều quy định nhằm đảm bảo điều kiện sản xuất như giữ nguồn nước tưới tiêu, hệ thống thủy nông, bảo đảm an ninh cho mùa màng... Do đặc thù các làng xã Việt

Nam là canh tác nông nghiệp nên hương ước đều có những quy định việc "vệ nông" bên cạnh quy định "tuần phòng". Hương ước xã Mạc Xá, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, tỉnh Hà Đông (nay là phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) lập trong khoảng thời gian từ niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709) đến năm Minh Mệnh thứ 11 (1830), gồm 166 điều, trong đó có 3 điều như sau:

"一條例係某跡輪次巡防壹任執放各畜倘疏略者定罰錢壹貫

一條例係某迹輪次巡防適遇同田乾涸只得放水在本社地分不得懸放鄰接各社同田若某社有辭乞水全社共會順許方得放水若懸放定罰錢參貫茲例

一條例係全年懸放猪雞牛羊破毀禾穀青芄各物任在巡番捉得罔據舊例

Điều lệ: Nhóm nào luân phiên tuần phòng có trách nhiệm giữ nước hay xả nước ở các hố, nếu để sơ suất, định tội phạt 1 quan tiền.

Điều lệ: Nhóm nào luân phiên tuần phòng thấy đồng ruộng khô cạn, chỉ được xả nước ở địa phận của xã, không được xả nước cho đồng ruộng của xã khác. Nếu xã nào có đơn xin nước, được cả xã bàn bạc đồng ý cho mới được xả nước. Nếu tự ý xả nước, định tội phạt 3 quan tiền. Nay lệ.

Điều lệ: [Kê nào] thả trâu bò, lợn gà phá hoại lúa má, hoa màu hàng năm trách nhiệm thuộc về tuần phiên, bắt được cứ theo lệ cũ⁽¹⁸⁾.

Phần lớn các làng xã truyền thống là thuần nông, chỉ có một số làng có nghề thủ công truyền thống như nghề làm song mây ở xã Đông Ngạc, huyện Từ

Liêm (nay là phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội). Hương ước của phường này lập năm Tự Đức thứ 27 (1874), bổ sung năm Tự Đức thứ 28 (1875) thành 46 điều, trong đó có 4 điều ghi việc ngăn chặn phá giá thị trường, bảo vệ thương hiệu cho nghề thủ công của họ:

"一例係期月均為貳期每期擇委四人係有龍藤唱賣必由肆人定價無得爭行定價茲例

一例係龍藤雲藤發賣本社市與別社市要求其貴價以利全坊若在家買其貴價而行市賣以賤價獨專利於一己以至爭鬥無恥罰錢參貫茲例

- Lệ hễ cứ mỗi tháng phân làm 2 kỳ, mỗi kỳ lựa chọn giao cho 4 người, hễ có ai rao bán long đằng thì do 4 người này định giá, không được tranh định giá. Nay đặt lệ.

- Lệ hễ long đằng, vân đằng đem bán ở chợ bán xã, hoặc chợ xã khác thì yêu cầu bán giá cao để có lợi cho cả phường. Nếu mua tại nhà với giá đắt mà đi chợ bán với giá rẻ để có lợi cho mình, khiến gây ra tranh chấp vô liêm sỉ thì phạt 3 quan tiền. Nay lệ⁽¹⁹⁾.

Vấn đề giáo dục, học tập, y tế cũng được đề cập nhiều trong các bản hương ước với mục đích xây dựng được thuần phong mỹ tục, muốn làng xã phong lưu, thịnh vượng thì trình độ dân trí phải được nâng cao. Nhìn chung, các bản hương ước của các làng xã đều có những điều khoản về học hành, thể hiện coi trọng việc học, khuyến học bằng cách mở trường, tìm thầy dạy giỏi, có những ưu đãi như miễn phu phen tạp dịch cho những người đang theo học ở các trường và tôn vinh những người thi cử đỗ đạt...

Một mặt làng buộc các gia đình có con đến tuổi phải cho đi học, có làng quy định 7 tuổi đi học, có làng quy định là 8 tuổi. Đồng thời, làng cấp tiền giấy bút cho trẻ con nhà nghèo giúp họ vượt khó trong học tập. Hương ước xã Đại Từ có 3 điều quy định về giáo dục như sau:

“条次艾羅艾廊仕立艾場幼學底吡雍猓猓席辰底摘錢公底支役場吧給粮柴教。

条次艾羅艾廊仕立艾場幼學底吡雍猓猓席辰底摘錢公底支役場吧給粮柴教。

条次艾羅艾廊仕立艾場幼學底吡雍猓猓席辰底摘錢公底支役場吧給粮柴教。

Điều thứ 101: Làng sẽ lập một trường ấu học để dạy trẻ con trong làng, thi để trích tiền công để chi việc trường và cấp lương thầy giáo.

Điều thứ 102: Trẻ con trong làng đúng 8 tuổi phải cho đi học.

Điều thứ 103: Làng lấy tiền công mua giấy bút cấp cho trẻ con nhà nghèo, Hội đồng xét thực nghèo, không mua được thì mới cấp cho⁽²⁰⁾.

Việc mở trường học có điều khoản nhằm khuyến khích việc học như người đỗ nhất, nhị trường được miễn phu phen tạp dịch, người đỗ đạt cao như Cử nhân, Tiến sĩ... làng đến chúc mừng bằng tiền, thưởng đất... Phong tục xã Thượng Cát, tổng Hạ Trì, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) lập năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782) trong đó việc khuyến học bổ sung dưới triều Nguyễn ghi việc đó như sau: “一凡鄉內中進士者本村賀錢壹百貫置俵洲土壹畝中舉人者賀錢陸拾貫置俵

洲土陸高中秀才者本村賀錢貳拾貫置洲土參高如雜流武弁者官至肆品以上置俵洲土陸高如該總具有補授試差者置洲土貳高如里長付里者許功勞洲土各壹高以示有別 / Phàm trong làng người nào đỗ Tiến sĩ thì bản thôn chúc mừng 100 quan tiền, biểu 1 mẫu ruộng đất bờ sông. Người trúng Cử nhân mừng 60 quan tiền, biểu 6 sào đất. Người trúng Tú tài, bản thôn mừng 20 quan tiền, biểu 3 sào đất, còn tạp lưu võ biền làm quan đến tứ phẩm trở lên đặt biểu 6 sào ruộng. Nếu người làm Cai tổng có bổ thụ Thí sai⁽²¹⁾ thì biểu 2 sào ruộng. Nếu người làm Lý trưởng, Phó lý cho ruộng đất công lao mỗi loại 1 sào để tỏ rõ sự phân biệt⁽²²⁾.

Về vệ sinh môi trường, liên quan đến sức khỏe cộng đồng, hầu hết các hương ước đều quy định dân làng biết giữ gìn vệ sinh nhà vệ sinh, chuồng trại... phải quét dọn cho sạch sẽ. Người bị bệnh truyền nhiễm phải trình báo quan để thầy thuốc chữa trị, cách ly. Nếu ai vi phạm, sẽ bị phạt tiền. Làng cấm vứt rác, phóng uế ra đường... Ai vi phạm cũng sẽ bị phạt tiền. Hương ước viết bằng chữ Nôm của làng Đông Trù, tổng Hội Phụ, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Đông Hội, huyện Đông Anh, Hà Nội) lập vào năm Khải Định thứ 6 (1921) gồm có 102 điều, trong đó có đề cập đến vấn đề này: “条次 坊進仝仍圖用貼馱猪能羅馱罷禁空特物窰湖泐吏禁空特仝厯猪厯消边競湖泐哈骂堵潞仍墻固体濕窰湖泐埃犯禁 沛罰錢貳毛 / Điều thứ 62: Những đồ dùng của người ốm hay là người chết cấm không được vứt dưới hồ ao, lại cấm không được làm chuồng lợn, chuồng tiêu bên cạnh hồ ao hay là đồ bản

những chỗ có thể sạch dưới hồ ao. Ai phạm cấm phải phạt tiền 3 hào⁽²³⁾.

Hương ước Hán Nôm nhìn từ góc độ bảo vệ các quyền lợi con người, chúng tôi nhận thấy ở đó chứa đựng những quy định khá cụ thể, có giá trị tích cực.

Trước hết là việc thúc đẩy, bảo vệ quyền lợi dân sự, chính trị của người dân qua những quy định về việc bầu cử, ứng cử Hội đồng tộc biểu, những người đại diện cho quyền lợi của người dân trong hoạt động tự quản làng xã. Người dân có thể trực tiếp hoặc thông qua các đại diện của mình là các tộc biểu, tham gia vào việc bàn thảo, quyết định những việc hệ trọng liên quan đến cộng đồng làng xã. Người dân cũng được quyền góp ý, chất vấn những người có trách nhiệm và người được chất vấn có nghĩa vụ trả lời một cách minh bạch, công khai. Người dân có quyền tham gia vào hầu hết các hoạt động của làng xã, tuy nhiên kèm theo những điều kiện cho từng chức danh hay hoạt động cụ thể. Người dân có quyền tham gia xây dựng hương ước và bình đẳng trước hương ước về quyền và nghĩa vụ.

Ở góc độ quyền kinh tế, văn hóa, xã hội, các hương ước đều có quy định về ruộng đất công, nếu địa phương có quỹ đất lớn thì chia đều cho người dân theo đầu người, với những quy định rõ ràng, đầy đủ để đảm bảo công bằng. Nếu số ruộng đất công ít thì được dành cho việc chung của làng như hương đăng, cúng tế hay những công việc chung khác. Tài sản công đều công khai.

Người dân được làng xã tạo điều kiện, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh trật tự, để sản xuất. Đối với các làng thuần nông thì vệ nông là một hoạt động

rất được chú trọng. Bên cạnh đó là các làng nghề, làng buôn bán cũng có quy định nhằm tạo điều kiện nghề được duy trì và phát triển bền vững.

Hầu hết các hương ước đều có quy định duy trì về phong tục, phong hóa trong đó có đầy đủ các lễ tiết, hội hè trong làng. Qua đây có thể thấy quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được quan tâm, ghi nhận. Bên cạnh đó, nhiều hương ước chú ý việc giữ gìn thuần phong mỹ tục của các địa phương và nhiều làng còn giữ được những tập quán tốt đẹp, loại bỏ được một số hủ tục của lệ làng xưa, đồng thời mang theo những dấu ấn tiến bộ của thời đại, có những biểu hiện dân chủ, nhất là dưới góc độ phản ánh quyền lợi con người./

N.T.H.V

Chú thích:

(1) Xã trưởng: thời Lê tháng 11 năm Mậu Thân (1428) đặt Xã quan, xã lớn 3 người, xã vừa 2 người, xã nhỏ 1 người. Đời Lê Thánh Tông đổi Xã quan làm Xã trưởng.

(2) Xã sử: là một trong các chức xã quan, định lệ ra đời vào tháng 2 năm Nhâm Dần (1242) đời vua Trần Thái Tông.

(3) Xã tư: là một trong các chức xã quan. Sau thời Lê Trung hưng, trong đời Vĩnh Thọ (1658) lại sai các châu, huyện chọn đặt Xã trưởng, Xã sử, Xã tư, lấy Nho sinh, Sinh đồ làm các chức ấy, chỉnh lý việc làng, xét hỏi việc kiện cáo.

(4) Lý trưởng: nhà Nguyễn đặt chức Lý trưởng giữ việc hành chính cấp xã, được cấp triện.

(5) Phó lý: là một chức trong hàng ngũ xã quan.

(6) Đại Từ xã hương ước 大慈社鄉約, bản chữ Nôm, ký hiệu VNv. 525, tờ 3b.

(7) Đại Từ xã hương ước (sdd), ký hiệu VNv. 525, tờ 4a.

(8) Sách *Hà Đông tỉnh Thanh Trì huyện Thanh Liệt tổng các xã tục lệ đệ tứ sách* 河東省青池縣青烈總各社俗例第四冊, bản chữ Hán, ký hiệu AF a2/86, tờ 11a.

(9) Sách *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng các xã phong tục* 河東省懷德府慈廉縣下池總各社風俗, bản chữ Hán, ký hiệu AF a2/59, tờ 39a - 39b.

(10) Sách *Hà Đông tỉnh Thanh Trì huyện Thanh Liệt tổng các xã tục lệ đệ tứ sách* 河東省青池縣青烈總各社俗例第四冊 (sđd), ký hiệu AF a2/86, tờ 15a - 15b.

(11) *Tư văn*: tổ chức của những vị Nho học ở địa phương, như hội Tư văn hàng huyện, hàng tổng và làng xã.

(12) *Tiên hiền*: người có tài năng đức hạnh được các Nho sinh tôn thờ.

(13) *Giáp đương cai*: giáp được phân công trách nhiệm lo lễ phẩm trong các kỳ tế lễ trong năm của làng.

(14) *Thượng Cốt xã hương lệ* 上葛社鄉例, bản chữ Hán, ký hiệu A.721, tờ 5a - 5b.

(15) *Hà Đông tỉnh Thanh Trì huyện Cổ Diền tổng các xã tục lệ đệ nhị sách* 河東省青池縣古典總各社俗例第二冊, bản chữ Hán, ký hiệu AF a2/80, tờ 6a - 6b.

(16) *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng các xã phong tục* (sđd), ký hiệu AF a2/59, tờ 114b - 115a.

(17) *Hà Đông Thanh Trì huyện Nam Phù Liệt tổng các xã tục lệ đệ nhất sách* 河東省青池縣南扶烈總各社俗例第一冊, bản chữ Hán, ký hiệu AF a2/84, tờ 67a.

(18) *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng các xã phong tục* (sđd), ký hiệu AF a2/59, tờ 104a, tờ 105b.

(19) *Long Đằng phường lệ* 龍藤坊例, bản chữ Hán, ký hiệu A.718, tờ 9a, tờ 11a.

(20) *Đại Từ xã hương ước* (sđd), ký hiệu VNV. 525, tờ 13b, 14a.

(21) *Thí sai*: một loại nhiệm vụ quan chức. Đây là cách dùng ngoài chính mệnh. Thời Nguyễn gọi là Thí sai, tức cho tập làm thử chưa chính thức bổ dụng.

(22) *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng các xã phong tục* (sđd), AF a2/59, tờ 11a.

(23) *Đông Trù kế hương ước* 東疇計鄉約, bản chữ Nôm, ký hiệu VNV 8, tờ 10a - 10b.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Thiết: *Từ điển hội lễ Việt Nam*, H. Văn hóa, 1993.

2. Bùi Xuân Đình: *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb. KHXH, H. 1998.

3. Bùi Xuân Đình: *Lễ làng phép nước*, Nxb. Pháp lý, H, 1985.

4. Bùi Xuân Mỹ, Bùi Thiết, Phạm Minh Thảo: *Từ điển lễ tục Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, H, 1996.

5. Đinh Khắc Thuân: *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*, Nxb. KHXH, H. 2006.

6. Đỗ Văn Ninh: *Từ điển chức quan Việt Nam*, Nxb. KHXH, H. 2002.

7. Nguyễn Phan Khiêm: *Quyển con người và hương ước ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Hà Nội 2014.

8. Nguyễn Tá Nhí: *Tuyển tập hương ước tục lệ*, Nxb. Hà Nội, 2010.

9. Nguyễn Tá Nhí: *Hương ước cổ Hà Tây*, Bảo tàng Tổng hợp Sở Văn hóa thông tin thể thao, Hà Tây 1993.

10. Phan Kế Bình: *Việt Nam phong tục*, Nxb. TP HCM 1990.

11. Nguyễn Hồng Phong: *Xã thôn Việt Nam*, Nxb. Văn sử địa, 1959.